

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST
Ngày 21 - 3 - 2024
V/v ly hôn giữa bà V và ông H

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Bình;

Bà Đặng Thị Thu Hương.

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng-Thư ký tòa án nhân dân huyện N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Là - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 196/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị V, sinh năm 1974 (vắng mặt);

ĐKHKTT: Thôn T, xã B, huyện N, tỉnh Nam Định

Nơi ở hiện nay: Xóm 10, xã C, huyện V, Hải Phòng

- Bị đơn: Ông Đặng Văn H, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện N, tỉnh Nam Định

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 11 năm 2023, bản tự khai ngày 08/01/2024 nguyên đơn bà Phạm Thị V trình bày: Bà và ông Đặng Văn H tự do tìm hiểu, tự nguyện đã đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện N, tỉnh Nam Định vào ngày 28/6/1991. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, đến năm 1997 bà đi làm ăn ở Hải Phòng, sau đó bạn bè rủ đi Quảng Ninh làm, nhưng trên đường đi không biết như thế nào khi tỉnh dậy bà thấy mình đang ở bên Trung Quốc và được bán làm vợ cho người nông thôn Trung Quốc. Đến Năm 2003 bà mới nhờ được người đưa về Việt Nam, khi trở về nH bà thấy ông H đang chung sống với người phụ nữ khác, bà không có ý kiến gì và tiếp tục sống ly thân với ông H. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, ông H đã có con riêng với người khác, nên bà làm đơn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho bà được ly hôn ông H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Giữa bà và ông H có 01 con chung là Đặng Quang Thanh, sinh ngày 11/01/1995. Hiện con đã trưởng tHnh lao động tự lập được nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 07/3/2024 bị đơn ông Đặng Văn H trình bày: Ông và bà Phạm Thị V tự do tìm hiểu, tự nguyện đã đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện N, tỉnh Nam Định vào ngày 28/6/1991. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường đến năm 1997 bà V bỏ đi làm ăn ở nơi khác ông không biết bà V làm gì, ở đâu, vì bà V không liên lạc không quan tâm gì đến gia đình. Năm 2006 bà V mới trở về địa phương giữa ông và bà V không đoàn tụ lại. Nay bà V là đơn xin ly hôn ông nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn.

Về con chung: Ông và bà V có 01 con chung tên, tuổi đúng như bà V trình bày. Hiện con đã trưởng tHnh lao động tự lập được nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập các tài liệu có trong hồ sơ và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng pháp luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xử cho ly hôn giữa bà Phạm Thị V và ông Đặng Văn H;

- Về án phí DSST: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Bà Phạm Thị V phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn;

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các đương sự đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự được chấp nhận, nên Tòa án vẫn tiến Hnh xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị V và ông ông Đặng Văn H tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện N, tỉnh Nam Định vào ngày 28/6/1991 nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu bình thường, đến năm 1997 bà V đi làm ăn ở nơi khác không liên lạc với ông H và người thân, năm 2003 bà V mới trở về quê, thấy ông H đang chung sống với người phụ nữ khác, bà không có ý kiến gì và không đoàn tụ lại với ông H. Nay bà V nhận thấy giữa bà và ông H không còn tình cảm, không thể Hn gắn đoàn tụ, nên làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho bà

được ly hôn. Ông H đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà V, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông và bà V ly hôn.

Xét thấy, cuộc hôn nhân giữa bà V và ông H không hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân đã lâu, ông H đang chung sống cùng người phụ nữ khác nên không có khả năng đoàn tụ. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn ông Đặng Văn H của bà Phạm Thị V là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Giữa bà V và ông H có 01 con chung là Đặng Quang Thanh, sinh ngày 11/01/1995. Hiện cháu Thanh đã đủ tuổi trưởng thành, lao động tự lập được, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí DSST: Bà Phạm Thị V phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa bà Phạm Thị V và ông Đặng Văn H;

2. Về án phí DSST: Bà Phạm Thị V phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà V đã nộp theo biên lai số 0004943 ngày 28 tháng 12 năm 2023 tại Chi cục Thi Hành án dân sự huyện N, tỉnh Nam Định.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được công bố hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã B, huyện N;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Ánh